TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2023/HS-PT
Ngày: 30 – 11 - 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Thành Tân**
Các Thẩm phán: Bà **Huỳnh Thị Kiều Duyên**
Bà **Nguyễn Thị Tư**

- Thư ký phiên tòa: ông **Trần Kiến Toàn** – Thẩm tra viên của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: ông **Nguyễn Văn Thiết** - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 148/2023/TLPT-HS, ngày 12 tháng 10 năm 2023 đối với các bị cáo M T P và bị cáo H V H, do có kháng nghị của Viện trưởng VKSND huyện V, tỉnh Vĩnh Long đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 58/2023/HS-ST, ngày 07 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

Các bị cáo bị kháng nghị:

1. **M T P**, sinh năm 1985, tại tỉnh Vĩnh Long. Nơi cư trú: Số A 150, đường 8/3, khóm 4, Phường A, thành phố V L, tỉnh V L; nghề nghiệp: nguyên cán bộ Công an huyện Vũng Liêm; trình độ học vấn: 12/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; con ông M V T và bà H N V; có vợ là N T M D và 01 con sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/11/2022 cho đến nay; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. **H V H**, sinh năm 1970, tại Bến Tre. Nơi cư trú: Số 171, tổ 9, ấp Hiệp P, xã P H, huyện Mỏ C N, tỉnh B T; trình độ học vấn: 5/12; nghề nghiệp: làm vườn; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; con ông H V Đ và bà H H N (chết); có vợ là N T P và 02 con, lớn sinh năm 1994, nhỏ sinh năm 2002; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo: ông Nguyễn Quyết Quyền – là Luật sư của Công ty luật TNHH MTV Quyết Tâm - Chi nhánh Vĩnh Long, thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh, bào chữa cho bị cáo M T P**.** Có mặt.

Những người tham gia tố tụng khác: Tòa án cấp phúc thẩm không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ năm 2018 đến năm 2020, M T P là cán bộ Đội Cảnh sát Điều tra tội phạm về Kinh tế và Ma túy - Công an huyện V, được phân công nhiệm vụ trinh sát phòng, chống tội phạm trên lĩnh vực kinh tế, ma túy và môi trường. Trong thời gian công tác, P cùng với các cán bộ Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về Kinh tế và Ma túy - Công an huyện V thực hiện nhiều kế hoạch tuần tra phòng, chống khai thác cát sông không phép, trên tuyến sông Cổ Chiên đoạn thủy phận thuộc huyện V, tỉnh Vĩnh Long. Đã lập biên bản, xử phạt vi phạm hành chính nhiều đối tượng sử dụng ghe, sà lan khai thác cát sông không phép; trong đó, có N V T, H V H và ông N V H. Do đã bị Phú bắt và xử lý về hành vi khai thác sông không phép nên T, H và ông H đã thỏa thuận với P về việc đưa tiền hàng tháng cho P, nhằm để được P giúp đỡ trong việc khai thác cát sông không bị bắt xử phạt hoặc nếu bị phát hiện lập biên bản thì sẽ xử phạt nhẹ. P đồng ý và đã nhận tiền nhiều lần của T, H và ông H. Cụ thể như sau:

1. N V T đã đưa tiền hàng tháng cho Mai Tấn Phú 03 lần, với tổng số tiền là 8.000.000 đồng. Cụ thể:

- Lần thứ nhất: tại bến phà Chánh An - Quới An thuộc ấp Mỹ Long, xã Chánh An, huyện M, tỉnh Vĩnh Long, đưa số tiền 2.000.000 đồng.

- Lần thứ hai: tại quán cà phê gần nhà của Tam thuộc ấp Thanh Thủy, xã An Phước, huyện M, tỉnh Vĩnh Long, đưa số tiền 3.000.000 đồng.

- Lần thứ ba: tại quán cà phê gần nhà của Tam thuộc ấp Thanh Thủy, xã An Phước, huyện M, tỉnh Vĩnh Long, đưa số tiền 3.000.000 đồng.

2. N V H đã đưa tiền hàng tháng cho Mai Tấn Phú 06 lần, với tổng số tiền là 13.000.000 đồng. Cụ thể như sau:

- Lần thứ nhất: vào khoảng đầu năm 2019, tại quán cà phê gần cầu Cổ Chiên thuộc huyện M, tỉnh Bến Tre, đưa trực tiếp số tiền 2.000.000 đồng.

- Lần thứ hai: ngày 28/3/2019, H đến cửa hàng Viettel tại huyện M, tỉnh Bến Tre, chuyển khoản vào số tài khoản "730320510086**1**" của anh D T H A V cho P số tiền 2.000.000 đồng.

- Lần thứ ba: ngày 26/4/2019, H đến cửa hàng Viettel tại huyện M, tỉnh Bến Tre, chuyển khoản vào số tài khoản "7303205100861" của anh D T H A V cho P số tiền 2.000.000 đồng.

- Lần thứ tư: ngày 29/5/2019, H đến cửa hàng Viettel tại huyện M, tỉnh Bến Tre, chuyển khoản vào số tài khoản "7303205100861" của anh D T H A V cho P số tiền 2.000.000 đồng.

- Lần thứ năm: ngày 17/12/2019, H đến cửa hàng Viettel tại huyện M, tỉnh Bến Tre ,chuyển khoản vào số tài khoản "7303205100861" của anh D T H A V cho P số tiền 2.000.000 đồng.

- Lần thứ sáu: ngày 03/02/2020, H đến cửa hàng Viettel tại huyện M, tỉnh Bến Tre, chuyển khoản vào số tài khoản "7303205100861" của anh D T H A V cho P số tiền 3.000.000 đồng.

3/ Ông N V H đã đưa tiền hàng tháng cho M T P 05 lần, với tổng số tiền là 3.500.000 đồng.

- Lần thứ nhất: gần Tết Nguyên đán 2018, ông H gặp P tại quán cà phê "Góc Phố" thuộc khóm 1, thị trấn V L, huyện V, tỉnh Vĩnh Long, đưa số tiền 1.000.000 đồng.

- Lần thứ hai: cách lần thứ nhất khoảng 01 tháng, ông H gặp P gần khu vực thị trấn V L, huyện V, tỉnh Vĩnh Long, đưa số tiền 1.000.000 đồng.

- Lần thứ ba, thứ tư và thứ năm: ông H đến cửa hàng điện thoại di động trên địa bàn xã H K T A, huyện M, tỉnh Bến Tre, nạp tiền điện thoại di động cho P 03 lần, mỗi lần 500.000 đồng.

Tổng số tiền P đã nhận là: 24.500.000 đồng

Trong thời gian đưa tiền cho P, khi chuẩn bị đi khai thác cát sông không phép trên đoạn thủy phận thuộc huyện V, thì T, H và ông H đều gọi điện thoại cho P hỏi có lịch đi tuần tra không? P trả lời "có" hoặc "không" để T, H và ông H biết, để đi hoặc không đi khai thác cát.

Qua điều tra, M T P, N V T và H V H đã thừa nhận hành vi phạm tội.

Đối với hành vi đưa tiền của ông N V H, số tiền mỗi lần ông H đưa cho bị cáo P chưa đủ định lượng, để truy cứu trách nhiệm hình sự về tội "Đưa hối lộ" theo quy định tại Điều 364 của Bộ luật Hình sự. Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện V L đã chuyển đến Cơ quan có thẩm quyền xem xét xử lý vi phạm hành chính.

Đối với D T H A V đã cho P mượn tài khoản số "7303205100861" thuộc ngân hàng Agribank, để H V H chuyển tiền cho M T P nhiều lần. Sau khi nhận được tiền ông V đều rút tiền đưa cho P, nhưng hoàn toàn không biết là tiền đưa, nhận hối lộ. Hành vi của ông V không đồng phạm, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Vũng Liêm không xử lý.

Về vật chứng: đang tạm giữ số tiền 37.900.000 đồng do M T P giao nộp. Trong đó, số tiền 24.500.000 đồng là tiền của P nhận của T, H và ông H; còn lại 13.400.000 đồng Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Vũng Liêm đã điều tra làm rõ không liên quan đến vụ án.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 58/2023/HS-ST ngày 07 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo M T P phạm tội "Nhận hối lộ" và bị cáo H V H phạm tội "Đưa hối lộ".

Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 354; các điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo M T P 02 (hai) năm tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam 04/11/2022.

Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 364; các điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo H V H: 01 (một) năm tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời hạn thử thách là 02 (hai) năm, được tính từ ngày tuyên án 07/9/2023.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã P H, huyện M C N, tỉnh Bến Tre, cùng gia đình bị cáo giám sát, giáo dục trong thời gian chịu thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã được hưởng án treo.

Ngoài ra, cấp sơ thẩm còn xử phạt bị cáo N V T 01 năm tù, nhưng cho hưởng án treo; giải quyết về vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 19/9/2023 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long có Quyết định kháng nghị số 436/QĐ – VKS, kháng nghị một phần Bản án hình sự sơ thẩm số: 58/2023/HS-ST ngày 07 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện V L, tỉnh Vĩnh Long, với nội dung: đề nghị cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm theo hướng:

- Xác định số tiền đưa và nhận hối lộ giữa bị cáo H V H và bị cáo M T P là 13.000.000 đồng;

- Tăng mức hình phạt đối với bị cáo M T P và bị cáo H V H.

Tại phiên tòa phúc thẩm Kiểm sát viên, bị cáo, người bào chữa trình bày như sau:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: sau khi xét xử sơ thẩm xong các bị cáo không có kháng cáo. Đến ngày 19 tháng 9 năm 2023 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm, kháng nghị một phần Bản án hình sự sơ thẩm số: 58/2023/HS-ST ngày 07 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện V L, tỉnh Vĩnh Long, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm theo hướng: xác định số tiền đưa và nhận hối lộ giữa bị cáo H V H và M T P là 13.000.000 đồng; đồng thời, tăng mức hình phạt đối với hai bị cáo. Tại phiên tòa hôm nay, Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên nội dung kháng nghị số 436/QĐ – VKS của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm. Xét bị cáo P có hành vi đòi hối lộ đối với N V T, đây là tình tiết tăng nặng định khung theo điểm g khoản 2 Điều 354 của Bộ luật Hình sự.

Xét việc cấp sơ thẩm xác định bị cáo H đưa hối lộ cho bị cáo P là 8.000.000 đồng là không phù hợp với các tài liệu, chứng cứ, nên đề nghị cấp phúc thẩm xác định số tiền đưa và nhận hối lộ là 13.000.000 đồng.

Trên cơ sở đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị 436/QĐ – VKS của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm, để sửa phần hình phạt Bản án hình sự sơ thẩm số: 58/2023/HS-ST ngày 07 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

Về Điều luật áp dụng: đề nghị áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355, điểm a khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự, để sửa Bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào điểm đ, g khoản 2 Điều 354, các điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo M T P từ 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù đến 04 (bốn) năm tù, về tội "Nhận hối lộ".

Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam 04/11/2022.

Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 364, các điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54, các Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo H V H từ 01(một) năm 06 (sáu) tháng tù đến 02 (hai) năm tù, về tội "Đưa hối lộ", nhưng cho hưởng án treo, với 03 (ba) năm thử thách.

Thời hạn thử thách được tính từ ngày tuyên án 30/11/2023.

Giao bị cáo H V H cho Ủy ban nhân dân xã Phước H, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre để giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Luật sư bào chữa cho bị cáo M T P trình bày: tại phiên tòa hôm nay bị cáo P đã thừa nhận đã nhận tiền của bị cáo H số tiền 13.000.000 đồng; điều đó thể hiện bị cáo đã ăn năn hối cải; trong thời gian công tác bị cáo P đã hoàn thành xuất sắc

nhiệm vụ được Bộ trưởng – Bộ Công an tặng Bằng khen và Ủy ban nhân dân huyện và Công an tỉnh tặng nhiều Giấy khen.

Hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn. Sau khi xem xét thấy rằng, mức án của cấp sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo P là tương xứng. Cuối cùng đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm giữ nguyên hình phạt đối với bị cáo P.

* *Bị cáo M T P trình bày*: bị cáo thừa nhận đã nhận tiền hối lộ của bị cáo H nhiều lần tổng cộng số tiền 13.000.000 đồng. Tuy nhiên, bị cáo yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét hoàn cảnh để chiếu cố giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

* *Bị cáo H V H trình bày:* bị cáo đã chủ động đưa hối lộ cho bị cáo P với số tiền 13.000.000 đồng; trong đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại số tiền 5.000.000 đồng bị cáo đưa cho bị cáo P vì thời gian đó H không còn khai thác cát khu vực V L. Bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt, bị cáo là lao động chính trong gia đình, hoàn cảnh gia đình khó khăn.

Bị cáo M T P nói lời sau cùng: bị cáo đã hối hận về hành vi của mình, bị cáo yêu cầu Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo H V H: bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo vì bị cáo là lao động chính trong gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo M T P khai nhận: từ năm 2018 đến năm 2020, bị cáo là cán bộ Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về Kinh tế và Ma túy, Công an huyện V L, trong quá trình làm nhiệm vụ, bị cáo đã nhận tiền nhiều lần của N V T 8.000.000 đồng và của H V H 13.000.000 đồng, tổng số tiền là 21.000.000 đồng; hai bị cáo P và H V H đều yêu cầu xem xét lại 5.000.000 đồng, bị cáo H đưa cho bị cáo cuối năm 2019 và đầu năm 2020, nên việc cấp sơ thẩm quy kết bị cáo M T P phạm vào tội: "Nhận hối lộ", theo điểm đ khoản 2 Điều 354 và bị cáo H V H phạm vào tội "Đưa hối lộ" theo điểm đ khoản 2 Điều 364 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội.

[2] Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm, về việc đề nghị xác định số tiền đưa và nhận hối lộ giữa bị cáo H V H và bị cáo M T P là 13.000.000 đồng; đồng thời, tăng mức hình phạt đối với bị cáo M T P và bị cáo H V H: thấy rằng mặc dù bị cáo P và bị cáo H chỉ thừa nhận số tiền đưa và nhận hối lộ chỉ có 8.000.000 đồng, còn số tiền 5.000.000 đồng không phải đưa và nhận hối lộ nhưng không có cơ sở để chấp nhận; bởi lẽ, trong quá trình điều

tra bị cáo Phú khai đã nhận của ông H (bị cáo H V H) nhiều lần tổng cộng là 13.000.000 đồng (BL 189, 201, 213), những lần này đều có Kiểm sát viên tham gia dự cung và có Luật sư bào chữa cho bị cáo chứng kiến; đồng thời, lời khai nhận này của bị cáo P cũng phù hợp với lời khai của bị cáo H V H (BL 240, 251); vì vậy, đã đủ cơ sở khách quan để xác định bị cáo H V H đã chủ động đưa hối lộ nhiều lần cho bị cáo M T P với số tiền 13.000.000 đồng. Do xác định số tiền bị cáo P nhận hối lộ của bị án N V T 8.000.000 đồng và của bị cáo H V H 13.000.000 đồng, tổng cộng là 21.000.000 đồng.

[3] Khi quyết định hình phạt Tòa án sơ thẩm đã có xem xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội do các bị cáo thực hiện và áp dụng các tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo. Bị cáo M T P bị truy tố xét xử theo điểm đ khoản 2 Điều 354 của Bộ luật Hình sự, có mức hình phạt từ 07 năm đến 15 năm tù, cấp sơ thẩm sau khi xem xét chỉ xử phạt bị cáo 02 (hai) năm tù và bị cáo H V H bị truy tố xét xử theo điểm đ khoản 2 Điều 364 của Bộ luật Hình sự, có mức hình phạt từ 02 năm đến 07 năm tù, chỉ xử phạt bị cáo 01 (một) năm tù cho hưởng án treo thời gian thử thách là 02 năm tù. Riêng đối với bị cáo P bị cáo là người chủ động yêu cầu N V T phải đưa hối lộ. Cấp sơ thẩm không áp dụng điểm g khoản 2 Điều luật là chưa đủ. Do có kháng nghị theo hướng tăng nặng, nên cấp phúc thẩm bổ sung tình tiết định khung theo điểm g khoản 2 Điều 354 của Bộ luật Hình sự. Như phân tích trên, thấy rằng hình phạt của 2 bị cáo là nhẹ chưa tương xứng với tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện, không đáp ứng được công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm về tham nhũng. Đồng thời, do xác định số tiền đưa và nhận hối lộ giữa 2 bị cáo có tăng lên so với cấp sơ thẩm. Do đó, xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm, về việc xác định số tiền đưa và nhận hối lộ tăng lên và tăng hình phạt đối với bị cáo M T P và bị cáo H V H là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ để chấp nhận kháng nghị; tuy nhiên, cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ cho 2 bị cáo, nên cấp phúc thẩm giữ nguyên; riêng bị cáo H vẫn tiếp tục cho hưởng án treo.

[4] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát có căn cứ, đúng quy định của pháp luật và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

[5] Về án phí: do xét xử phúc thẩm theo kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long nên các bị cáo P và H không phải chịu phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355, điểm a khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Tuyên chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long và sửa Bản án số: 58/2023/HS – ST, ngày 07 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm.

Căn cứ vào các điểm đ, g khoản 2 Điều 354, các điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo M T P 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù, về tội "Nhận hối lộ".

Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam 04/11/2022.

Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 364, các điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54, các khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo H V H 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, về tội "Đưa hối lộ", nhưng cho hưởng án treo, với 03 năm thử thách.

Thời hạn thử thách được tính từ ngày tuyên án 30/11/2023.

Giao bị cáo H V H cho Ủy ban nhân dân xã P H, huyện M C N, tỉnh Bến Tre để giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo H V H cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp bị cáo H V H thay đổi nơi cư trú, thì thực hiện theo quy định Luật Thi hành án hình sự.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TANDTC: 01;
- TANDCC: 01;
- VKSNDCC: 01;
- VKSND TVL: 01;
- TAND +VKSND HVL: 02;
- CQTHADS HVL : 01;
- CQTHAHS HVL: 01;
- TG, BC: 02;
- P HỒ SƠ-CAVL: 01
- STP: 01;
- UBND phường 5: 01;
- UBND xã Phước Hiệp: 01;
- TNV+P KTNV:02;
- Lưu: 04.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Lê Thành Tân